

**CÔNG TY TNHH DMA VIỆT NHẬT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DMA VIỆT NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DMA VIET NHAT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DMA VIET NHAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108726460

**3. Ngày thành lập:** 06/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 15, Ngách 35, Ngõ 23, Phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989 375 186

Fax:

Email: [info.dmavietnhat@gmail.com](mailto:info.dmavietnhat@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | <p>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể:</li> <li>+ Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải,</li> <li>+ Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo,</li> <li>+ Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ,</li> <li>+ Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ,</li> <li>+ Hộp, tráp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ,</li> <li>+ Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuộn chỉ, máy khâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ,</li> <li>+ Các vật phẩm khác bằng gỗ.</li> <li>- Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành;</li> <li>- Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ;</li> <li>- Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ;</li> <li>- Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày);</li> <li>- Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự;</li> <li>- Sản xuất bộ phận dùng trong sản xuất tàu thuốc lá;</li> <li>- Tranh khắc bằng gỗ;</li> <li>- Chế biến bắc tự nhiên và các sản phẩm từ bắc ép;</li> <li>- Sản xuất các sản phẩm từ bắc tự nhiên hoặc bắc ép, bao gồm tấm phủ sàn;</li> <li>- Sản xuất dây bện, sản phẩm tết bện như thảm chùi chân, chiếu, thùng, hộp và tấm chắn;</li> <li>- Sản xuất đồ giỏ bằng liễu gai và các đồ bằng bắc.</li> <li>- Sản xuất đồ lưu niệm như tranh, gạt tàn thuốc, hoa... làm bằng tre.</li> </ul> | 1629     |
| 2.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4721     |
| 3.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4722     |
| 4.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4723     |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610     |
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | <p>Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.</li> <li>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;</li> <li>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;</li> <li>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;</li> <li>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền;</li> <li>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.</li> </ul> | 5629        |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5630        |
| 9.  | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;</li> <li>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);</li> <li>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;</li> <li>- Bán buôn cao su;</li> <li>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;</li> <li>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;</li> <li>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;</li> <li>- Bán buôn bột giấy;</li> <li>- Bán buôn đá quý.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710        |
| 11. | <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 12. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 13. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4761        |
| 14. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa;</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 15. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2511(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2592 |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662 |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3311 |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3312 |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;<br>- Sửa chữa dây, đôn bẫy, buồm, mái che;<br>- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;<br>- Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự;<br>- Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;<br>- Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3319 |
| 23. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3320 |
| 24. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | <p>Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như:</li> <li>+ Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau),</li> <li>+ Làm dưới dạng rời,</li> <li>- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự;</li> <li>- Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ;</li> <li>- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh;</li> <li>- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.</li> </ul> | 1621 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG | Thôn Hạc Lâm, Xã Hương Lâm, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                                                           | 25.000.000            | 5,000     | 121522844                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐẶNG THU HƯỜNG    | Căn hộ A1402, Tòa nhà Valencia Garden, Khu đô thị mới Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 475.000.000           | 95,000    | 036191006333                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐẶNG THU HƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036191006333

Ngày cấp: 17/04/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Căn hộ A1402, Tòa nhà Valencia Garden, Khu đô thị mới Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ A1402, Tòa nhà Valencia Garden, Khu đô thị mới Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội